

Verb	+ To V	+ V-ing
NEED	Need to V: cần phải làm (nghĩa chủ động)	Need V-ing: cần phải được làm (nghĩa bị động)
	Ví dụ: - Tom needs to work harder. - The grass in front of the house needs cutting.	
STOP	Stop to V: dừng lại để làm việc gì khác	Stop V-ing: dừng việc đang làm
	Ví dụ: - They stopped to buy some drinks. - They stopped smoking because it is bad for their health.	
REGRET	Regret to V: lấy làm tiếc phải (thông báo 1 điều gì xấu)	Regret V-ing: hối hận đã làm gì (trong quá khứ)
	Ví dụ: - I regret to inform you that they have decided to cancel the meeting. - I regret cheating in the exam.	
REMEMBER	Remember to V: nhớ phải làm gì (ở hiện tại và tương lai)	Remember V-ing: nhớ đã làm gì (ở quá khứ)
	Ví dụ: - Remember to turn off the lights before leaving. - I remember paying the money I lent her.	
FORGET	Forget to V: quên sẽ phải làm gì (ở hiện tại và tương lai)	Forget V-ing: quên đã làm gì (ở quá khứ)
	Ví dụ: - Don't forget to post this letter. - She will never forget meeting the Queen.	
TRY	Try to V: cố gắng làm	Try V-ing: thử làm gì
	Ví dụ: - She tries to pass the entrance exam to the college of pharmacy - I've got a terrible headache. I try taking some pills but they didn't help.	